TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 17/12/2018
Về việc *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tính.

2. Ông Nguyễn Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sưa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa *tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Nhiệm, Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 17 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐST - HNGĐ ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị V, sinh năm: 1977.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm: 1976.

Đồng trú tại: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lương Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi *(Lương Thị V)* và ông Phan Văn B tự tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên nhưng bị thất lạc. Tôi có làm đơn xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã S về việc vợ chồng tôi có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã S xác nhận vào ngày 22/3/2018. Qúa trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho

đến nay. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phan Văn B.

Về con chung: Có hai (02) con chung tên Phan Thị Kim K, sinh năm 1997 và Phan Thị Kim D, sinh năm 1999 *(02 con chung đã trưởng thành)*. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn B vắng mặt trong quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Phan Văn Bình càng sớm càng tốt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Bà Lương Thị V và ông Phan Văn B sống chung với nhau từ năm 1997, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng đã có hai con chung là Phan Thị Kim K, sinh năm 1997 và Phan Thị Kim D, sinh năm 1999 đến nay đã trưởng thành. Quá trình chung sống gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, ông B bỏ bà V đi sinh sống nơi khác, mạnh ai nấy sống vợ chồng không thể hàn gắn. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật HN&GĐ năm 2014, đề nghị HĐXX xét cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2018, nguyên đơn bà Lương Thị V đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn. Tuy nhiên bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa phương từ giữa tháng 7/2018, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa đã căn cứ các Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng. Mặt khác, để bảo đảm quyền lợi cho bị đơn Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại

Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện S đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lương Thị V và bị đơn ông Phan Văn B tự tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa, có xác nhận kết hôn của ban tư pháp xã Sơn Phước ngày 22/3/2018:*"Ông Phan Văn B và bà Lương Thị V có đến tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn P đăng ký kết hôn tại quyển số 01/2002, tờ số 03 ngày 09/12/2002"* là hôn nhân hợp pháp.

Xét: Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2018 tại Hội phụ nữ xã S có xác thực của UBND xã S, huyện S: "*Vợ chồng sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau và không còn sống chung từ năm 2017 đến nay"*.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét: Tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn bà Lương Thị V và bị đơn ông Phan Văn B không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật HN&GĐ năm 2014 hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị V được ly hôn với bị đơn ông Phan Văn B.

Xét: Về con chung do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Xét: Về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn bà Lương Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 63, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị V được ly hôn với bị đơn ông Phan Văn B.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn bà Lương Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa

án số 0009380 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên;

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- CC THADS huyện S(01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã S (01);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung